TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2025/HS-ST
Ngày 30-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Xuân Giới và ông Lê Như Toản.

- Thư ký phiên tòa: ông Triệu Sinh Thủy, là Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Hạ Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 116/2025/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Văn D** (tên gọi khác: không), sinh ngày 20 tháng 8 năm 2003; tại thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: tổ H, khu C, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: tổ I, khu C, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; đoàn thể: không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn K và bà Bùi Thị T; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2024; hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn T1** (tên gọi khác: không), sinh ngày 14 tháng 12 năm 1991; tại thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: tổ I, khu C, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; đoàn thể: không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị T3; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2024; hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T1* là ông Bùi Quốc T4, Luật sư Công ty L – Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: tổ D, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt

Người làm chứng: cháu Nguyễn Phan M (người đại diện theo pháp luật là chị Nguyễn Thị H), cháu Nguyễn Quang K1 (người đại diện theo pháp luật là

anh Nguyễn Văn H1), anh Nguyễn Huy H2, anh Trần Đức H3, anh Nguyễn Hồ Việt A, anh Nguyễn Việt N; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mạng xã hội Facebook và T5, Nguyễn Văn T1 tham gia nhiều nhóm bán thực vật khô tẩm ma túy (hay còn gọi là ma túy Tobaco), thấy có nhiều người sử dụng và bán ma túy T6 có lãi cao, nên từ tháng 9/2024, T1 đã mua ma túy bán kiếm lời, trong đó có Bùi Văn D nhiều lần mua của T1 về sử dụng và bán cho nhiều người, cụ thể:

1. Hành vi Nguyễn Văn T1 bán trái phép chất ma túy cho Bùi Văn D và Nguyễn Huy H2:

Nguyễn Văn T1 quen biết Bùi Văn D và Nguyễn Huy H2 (sinh năm 2005, nơi cư trú: tổ C, khu C, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh). T1 nhiều lần bán ma túy Tabaco cho D, H2 tại nhà của T1 tại tổ I, khu C, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Lần thứ nhất: chiều ngày 18/9/2024, D sử dụng tài khoản Facebook Messenger "Bùi Văn D" nhắn tin đến tài khoản "Nguyễn Văn T1" của T1 nhờ mua hộ 300.000 đồng ma túy Tabaco. T1 đồng ý và hẹn D đến nhà T1. Tại đây, T1 đã bán cho D 05 gói ma túy Tobaco, D đã trả 330.000 đồng tiền mặt cho T1 (gồm 300.000 đồng tiền ma túy và 30.000 đồng tiền công mua hộ ma túy).

- Lần thứ hai: tối ngày 18/9/2024, D nhắn tin cho T1 qua ứng dụng Facebook Messenger hỏi mua 1.000.000 đồng ma túy Tabaco và hẹn qua nhà T1 để giao dịch. Tại đây, T1 bán cho D 20 túi ma túy T6, D đã trả cho T1 1.000.000 đồng tiền mặt.

- Lần thứ ba: tối ngày 20/9/2024, D nhắn tin cho T1 qua ứng dụng Facebook M1 đặt mua 1.000.000 đồng ma túy T6, T1 đồng ý và hẹn D giao dịch tại nhà của T1. Khi D đến, T1 bán cho D 20 túi ma túy T6, D trả cho T1 930.000 đồng tiền mặt và nợ lại 70.000 đồng.

- Lần thứ tư: khoảng 21 giờ ngày 20/9/2024, H2 sử dụng tài khoản Messenger "Nguyễn Huy H2" nhắn tin cho T1 hỏi mua 03 túi ma túy T6, T1 đồng ý, báo giá 300.000 đồng và hẹn giao dịch tại nhà của T1. Khi H2 đến cửa, T1 đã bán cho H2 03 túi ma túy Tobaco và tặng thêm 01 túi (tổng cộng 04 túi), H2 đã trả cho T1 300.000 đồng tiền mặt.

- Lần thứ năm: khoảng 15 giờ 10 phút ngày 21/9/2024, H2 nhắn tin qua ứng dụng Facebook Messenger cho T1 đặt mua 02 túi ma túy T6, T1 báo giá 150.000 đồng và hẹn giao dịch tại nhà. Sau đó, T1 lấy 02 túi ma túy Tobaco dồn thành 01 túi rồi để trên tủ quần áo đợi H2 qua lấy. Khoảng 16 giờ, H2 đã chuyển khoản 150.000 đồng tiền mua ma túy từ tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần K3 (T8) số 36200588888888, mang tên NGUYEN HUY HOANG đến tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (M2) số 0392261788 mang tên

NGUYEN VAN TAM. Đến khoảng 16 giờ 30 phút, khi T1 đang chờ H2 đến lấy ma túy thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn T1, thu trên nóc tủ quần áo 01 túi nilon chứa 3,71 gam thực vật khô dạng sợi, tìm thấy chất ma túy MDMB-BUTINACA; thu trên kệ tủ gỗ 02 cân điện tử màu trắng; 20 vỏ túi nilon (Kết luận giám định số 1096/KL-KTHS, ngày 23/9/2024 của Phòng K4 Công an thành phố H).

2. Hành vi Bùi Văn D bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Quang K1, Nguyễn Phan M và Nguyễn Hồ Việt A:

Bùi Văn D quen biết Nguyễn Quang K1 (sinh ngày 28/11/2008, nơi cư trú: tổ F, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh), Nguyễn Phan M (sinh ngày 04/11/2008, nơi cư trú: tổ D, khu F, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh), Nguyễn Hồ Việt A (sinh năm 2004, nơi cư trú: tổ A, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh) và đều sử dụng ma túy Tobaco. D nhiều lần mua ma túy Tobaco của Nguyễn Văn T1 để sử dụng và bán cho K1, M, Việt A tại nhà D ở tổ I, khu C, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Lần thứ nhất: ngày 05/9/2024, K1 đến nhà D hỏi mua 01 túi ma túy Tobaco. Tại phòng ngủ tầng 2, D đã bán cho K1 01 túi ma túy Tobaco với giá 100.000 đồng, K1 trả tiền mặt.

- Lần thứ hai: chiều ngày 18/9/2024, M sử dụng tài khoản Facebook Messenger "Nguyen Minh" gọi điện thoại cho D đặt mua 02 túi ma túy Tobaco. D đồng ý và hẹn M đến nhà để giao dịch. Tại phòng ngủ tầng 1, D đã bán cho M 02 túi ma túy Tobaco giá 200.000 đồng, M trả tiền mặt.

- Lần thứ ba: tối ngày 18/9/2024, Việt A đến nhà D hỏi mua 01 túi ma túy Tobaco giá 100.000 đồng. D đã bán cho Việt A 01 gói ma túy Tobaco, Việt A trả tiền mặt.

Hồi 11 giờ 20 phút ngày 21/9/2024, Công an tỉnh Q phối hợp cùng Công an phường H kiểm tra số nhà A, tổ D, khu F, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh phát hiện Nguyễn Phan Minh tàng T7 trái phép 02 túi nilon chứa 1,04 gam thực vật khô dạng sợi, tìm thấy chất ma túy MDMB-BUTINACA, mục đích để sử dụng.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Văn D thu giữ trên mặt đệm trong phòng ngủ của D 01 túi nilon chứa 2,86 gam thực vật khô dạng sợi, tìm thấy chất ma túy MDMB-BUTINACA, mục đích để bán; 01 điện thoại Iphone màu trắng gắn sim số 0899.728.963 và 700.000 đồng. (Kết luận giám định số 1096/KL-KTHS, ngày 23/9/2024 của Phòng K4 Công an thành phố H).

Ngày 22/9/2024, Cơ quan điều tra ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Bùi Văn D, Nguyễn Văn T1. Thu giữ của D 01 căn cước công dân số 022203007760 mang tên Bùi Văn D. Thu giữ của T1 01 căn cước công dân số 022091013149 mang tên Nguyễn Văn T1, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu đen, gắn sim số 0964.602.991 và 1.900.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T1, Bùi Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã nêu. Ngoài ra còn khai:

Nguyễn Văn T1 khai: T1 biết ma túy Tobaco có dạng sợi như thuốc lá, thuốc lào tẩm chất ma túy, hiện nay đang được giới trẻ ưa chuộng do giá thành rẻ và khi sử dụng như ma túy cần sa. Bản thân T1 cũng biết ma túy Tobaco bị nghiêm cấm mua bán, tuy nhiên do hám lời nên T1 nảy sinh ý định mua ma túy Tobaco về bán để kiếm lời. Ngày 16/9/2024, T1 đã đặt mua của tài khoản "Trang Tobaco HN" 500 gam ma túy Tobaco, giá 5.500.000 đồng, giao hàng và tiền qua xe khách. Tối ngày 18/9/2024, T1 nhận thùng các tông ma túy Tobaco ở khu vực ngã ba H, thành phố H, rồi về đem về cân được 512 gam, sau đó T1 đã xóa nội dung liên lạc với người này. Trước đó, vào chiều ngày 18/9/2024, T1 lên mạng xã hội Facebook mua 300.000 đồng ma túy Tobaco của 01 tài khoản ảo, người này hẹn giao dịch tại khu vực ngã ba H. Tại điểm hẹn, T1 đã đưa 300.000 đồng cho người bán và nhận lại 05 túi ma túy Tobaco. T1 đã bán ma túy cho nhiều người, nhưng chỉ nhớ những lần trên, ngoài ra còn bán cho Q, N1, T4 nhưng không rõ lai lịch địa chỉ.

Bùi Văn D khai bản thân là người sử dụng ma túy Tobaco, do hám lời nên D đã nảy sinh ý định mua ma túy Tobaco của T1 về để sử dụng và bán kiếm lời.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Huy H2, Nguyễn Quang K1, Nguyễn Phan M và Nguyễn Hồ Việt A khai nhận phù hợp thời gian, địa điểm, số lần mua ma túy của T1, D để sử dụng cho bản thân, M sử dụng một ít và cất giấu 02 túi ma túy tại nhà thì bị Công an kiểm tra, thu giữ.

Vật chứng, tài sản trong vụ án: 01 phong bì niêm phong ma túy hoàn lại sau giám định số 1096/PC09; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen tím, gắn sim số 0964.602.991, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn T1, 02 cân điện tử màu trắng, 20 vỏ túi nilon thu giữ của Nguyễn Văn T1; 01 căn cước công dân mang tên Bùi Văn D, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng trắng, gắn sim số 0899.728.963 thu giữ của Bùi Văn D; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long để quản lý theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền 1.900.000 đồng tạm giữ của Nguyễn Văn T1 và 700.000 đồng tạm giữ của Bùi Văn D, hiện đang được bảo quản tại Kho bạc nhà nước tỉnh Q.

Tại bản Cáo trạng số: 3127/CT-VKSHL, ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh truy tố Bùi Văn D về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm b, e khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Văn T1 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Văn D, Nguyễn Văn T1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên.

Phần tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt chính:

- Căn cứ: điểm b, e khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bùi Văn D từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tù tháng tù đến 08 (tám) năm tù, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày 22/9/2024.

- Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T1 từ 07 (bảy) năm tù đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/9/2024.

* Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 3,48 (ba phẩy bốn tám) gam MDMB- BUTINACA mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì còn nguyên niêm phong số 1096/KL-KTHS, ngày 23/9/2025 của Phòng K4 Công an thành phố H; 02 cân điện tử màu trắng, 20 vỏ túi nilon, 02 sim điện thoại.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 7), màu vàng trắng thu giữ của bị cáo Bùi Văn D và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 14 Promax), màu đen tím thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T1.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T1 01 (một) căn cước công dân số 022091013149;

Trả lại cho bị cáo Bùi Văn D 01 (một) căn cước công dân số 022203007760.

Tịch thu của Bùi Văn D số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng, sung vào ngân sách nhà nước; trả lại cho bị cáo Bùi Văn D số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn T1 số tiền 1.900.000 (một triệu, chín trăm nghìn) đồng, sung vào Ngân sách nhà nước; bị cáo Nguyễn Văn D1 còn phải nộp số tiền 810.000 (tám trăm, mười nghìn) đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

* Các bị cáo không tranh luận gì với luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T1 ông Bùi Quốc T4 phát biểu tranh luận: ông đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn T1. Tuy nhiên, về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo T1 là từ 07 (bảy) năm tù đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù là nặng so với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo Nguyễn

Văn T1 (bị cáo ở cùng với ông nội mà không ở cùng bố mẹ đẻ) khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

* Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo (bán trái phép chất ma túy 05 lần cho người khác) và đây là tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Nên mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

* Các bị cáo nói lời nói sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành Hạ Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: xét lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của những người làm chứng, Biên bản kiểm tra, Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Biên bản khám xét, phù hợp với vật chứng thu giữ, bản ảnh vật chứng, Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận: từ ngày 18/9/2024 đến ngày 21/9/2024, tại nơi ở của Nguyễn Văn T1 thuộc tổ I, khu C, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, T1 đã có hành vi 03 lần bán trái phép chất ma túy cho Bùi Văn D và 01 lần cho Nguyễn Huy H2. Ngoài ra, T1 còn tàng trữ 3,71 (ba phẩy bảy một) gam thực vật khô dạng sợi, tìm thấy chất ma túy MDMB-BUTINACA mục đích để bán cho Nguyễn Huy H2. Tổng số tiền đã thu từ việc bán ma túy là 2.710.000 đồng.

Trong các ngày 05/9/2024 đến ngày 18/9/2024, tại nơi ở của Bùi Văn D thuộc tổ I, khu C, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, D đã có hành vi 01 lần bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Quang K1 (sinh ngày 28/11/2008), 01 lần cho Nguyễn Phan M (sinh ngày 04/11/2008) và 01 lần cho Nguyễn Hồ Việt A với tổng số tiền là 400.000 đồng. Ngoài ra, ngày 21/9/2024, D còn tàng trữ 2,86 (hai phẩy tám sáu) gam thực vật khô dạng sợi, tìm thấy chất ma túy MDMB-BUTINACA, mục đích để bán.

MDMB-BUTINACA, là chất ma túy được quy định tại Điều 1 Nghị định số 90/2024/NĐ-CP ngày 17/7/2024 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung danh mục

chất ma túy và tiền chất ban hành kèm theo Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất (MDMB-BUNITICA có số thứ tự 342, danh mục IIC Nghị định số: 90/2024/NĐ-CP ngày 17/7/2024).

Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý, xâm phạm đến chế độ của Nhà nước về quản lý các chất ma túy.

Do đó, hành vi như nêu trên của Bùi Văn D đã cấu thành tội: "Mua bán trái phép chất ma túy", quy định tại điểm b, e khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T1 như nêu trên đã cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy", quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi bán trái phép chất ma túy của bị cáo Bùi Văn D, Nguyễn Văn T1 độc lập, không liên quan gì với nhau. Nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự riêng rẽ tương ứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo Bùi Văn D, Nguyễn Văn T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên các bị cáo Bùi Văn D, Nguyễn Văn T1 đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 có ông nội là Nguyễn Văn K2: ngày 05/8/1988, ông Nguyễn Văn K2 được Hội tặng Huân chương kháng chiến Hạng Nhì. Nên, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Nguyễn Văn T1.

[6] Về hình phạt chính: bị cáo Nguyễn Văn T1 bán trái phép chất ma túy nhiều lần (05 lần); bị cáo Bùi Văn D bán trái phép chất ma túy nhiều lần (03 lần) và trong đó có 02 lần D bán ma túy cho người dưới 16 tuổi (Nguyễn Quang K1, sinh ngày 28/11/2008, Nguyễn Phan M, sinh ngày 04/11/2008. Nên, các bị cáo bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ:

Đối với: 3,48 gam ma túy loại MDMB- BUTINACA mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì còn nguyên niêm phong số 1096/KL-KTHS, ngày 23/9/2025 của Phòng K4 Công an thành phố H là vật nhà nước cấm tàng trữ,

cấm lưu hành; 02 cân điện tử màu trắng, 20 vỏ túi nilon, 02 sim điện thoại là vật không còn giá trị sử dụng. Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 căn cước công dân số 022091013149, mang tên Nguyễn Văn T1 và 01 căn cước công dân số 022203007760 mang tên Bùi Văn D là giấy tờ tùy thân của các bị cáo. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T1, Bùi Văn D căn cước công dân nêu trên.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 7), màu vàng trắng thu giữ của bị cáo Bùi Văn D và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 14 Promax), màu đen tím thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T1. Các bị cáo đều sử dụng điện thoại vào việc liên lạc mua bán ma túy. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 bán trái phép chất ma túy được tổng số tiền là 2.710.000 đồng; số tiền đã thu giữ của bị cáo T1 là 1.900.000 đồng (là tiền do bị cáo bán ma túy trái phép mà có). Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu số tiền 1.900.000 đồng, sung vào ngân sách nhà nước và bị cáo T1 còn phải nộp số tiền 810.000 đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo Bùi Văn D bán trái phép chất ma túy được số tiền là 400.000 đồng; đã thu giữ của bị cáo số tiền 700.000 đồng (bao gồm: 400.000 đồng do bán trái phép chất ma túy mà có và 300.000 đồng không liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy). Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106, điểm a khoản 3 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu số tiền 400.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước và trả lại cho bị cáo D số tiền 300.000 đồng.

[9] Về lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát: xét những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo đã được cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục mà Bộ luật Tố tụng hình sự quy định; tại phiên tòa các bị cáo cũng đã thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Nên lời buộc tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1 Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[12] Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T1 còn khai nhận bán ma túy cho các đối tượng tên Q, N1, T4 không rõ lai lịch địa chỉ, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch các đối tượng, nên không đề cập.

Đối với những người bán ma túy cho Nguyễn Văn T1, quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch nên không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Quang K1, Nguyễn Hồ Việt A là người đã mua ma túy của Bùi Văn D về sử dụng hết, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Nguyễn Huy H2 là người mua ma túy của Nguyễn Văn T1 nhưng chưa kịp lấy ma túy. Tuy nhiên, do V Bộ C từ chối giám định hàm lượng chất ma túy MDMB- BUTINACA vì chưa có mẫu chuẩn định lượng chất ma túy MDMB-BUTINACA. Do vậy, không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Huy H2. Công an tỉnh Q đã xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đối với Nguyễn Phan M là người mua ma túy của Bùi Văn D nhưng chưa sử dụng hết, thời điểm mua ma túy, M chưa đủ 16 tuổi (15 tuổi 10 tháng 14 ngày) nên Công an tỉnh Q đã áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức nhắc nhở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: điểm b, e khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bùi Văn D 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/9/2024.

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Văn T1 07 (bảy) năm tù, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/9/2024.

2. Về xử lý vật chứng, đồ vật thu giữ: căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 3,48 (ba phẩy bốn tám) gam ma túy, loại MDMB-BUTINACA mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì còn nguyên niêm phong số 1096/KL-KTHS, ngày 23/9/2025 của Phòng K4 Công an thành phố H; 02 (hai) cân điện tử màu trắng; 20 (hai mươi) vỏ túi nilon và 02 (hai) sim điện thoại.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 7), màu vàng trắng thu giữ của bị cáo Bùi Văn D; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 14 Promax), màu đen tím thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T1.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T1 01 (một) căn cước công dân số 022091013149.

Trả lại cho bị cáo Bùi Văn D 01 (một) căn cước công dân số 022203007760.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn T1 số tiền 1.900.000 (một triệu, chín trăm nghìn) đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Bùi Văn D số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng, sung vào ngân sách nhà nước; trả lại cho bị cáo Bùi Văn D số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng số 194/BB-THA ngày 02 tháng 6 năm 2025, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long; theo Biên bản giao nhận tài sản số: 164/2024/BBBG-CQCSĐTCATPHAL ngày 31/10/2024 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Q).

Bị cáo Nguyễn Văn T1 phải nộp số tiền 810.000 đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Bùi Văn D, Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1 Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: bị cáo Bùi Văn D, Nguyễn Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Hạ Long;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh QN;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh QN;
- Phòng CSTHA và HTTP CA tỉnh QN;
- Trại tạm giam CA tỉnh QN;
- Cơ quan THADS tp Hạ Long;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Ngọc An